TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày 10 tháng 5 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ và ông Sái Văn Trọng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/HS- ST ngày 04 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2018/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/HSST –QĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh ngày 29/9/1994; sinh tại Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C, thị trấn HC, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh Ph và bà Nguyễn Thị P; có chồng là Nguyễn Văn Q và có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2018 (có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 45 đường Nguyễn T, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

1/ Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 91, tổ 15 đường Trần H, phường TT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1992; nơi cư trú: xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 15/11/2017, Nguyễn Thị L một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 88G1-241.89 từ nhà lên Khu công nghiệp KQ, thuộc phường KQ, thành phố V để xin việc, đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì L về. Trên đường về, L vào cửa hàng điện thoại Quang Thịnh, ở số nhà 45, đường Nguyễn T, phường KQ, thành phố V do anh Nguyễn Văn D làm chủ để mua điện thoại. L dựng xe máy trước cửa hàng điện thoại và đi vào bên trong nhưng không thấy có ai, thấy vậy L gọi "Chú ơi, anh ơi" nhưng không có ai trả lời. Lúc này, L nhìn thấy trên mặt bàn ăn, giáp với tủ trưng bày sản phẩm của cửa hàng có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, bên ngoài có ốp nhựa màu xanh, là tài sản của anh D, L nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài. L đi đến lấy chiếc điện thoại Iphone 6s trên rồi quay ra vị trí dựng xe máy và cất chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào túi xách mang theo. Sau khi trộm cắp tài sản, L điều khiển xe xuống thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc để bán. Khi đi tới khu vực vòng xuyến trước đường vào Khu công nghiệp Bình Xuyên, thuộc xã ĐĐ, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc thì L dừng xe, tháo vỏ ốp và sim điện thoại (số thuê bao 01688889292) trong máy điện thoại Iphone 6s rồi vứt ở bên đường. Sau đó, L tiếp tục điều khiển xe máy đến cửa hàng điện thoại di động Đức N ở số nhà 91, tổ 15, đường Trần H, phường TT, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc do anh Nguyễn Đức N làm chủ. Tại đây, L gặp chị Nguyễn Thị Nh là nhân viên của cửa hàng và đặt vấn đề muốn bán chiếc điện thoại iphone 6s vừa trộm cắp được. L nói với chị Nh " Em đi làm công ty, có người cầm nhầm điện thoại của em và để lại máy này, em muốn bán cái máy này", L giải thích với chị Nh là do trong máy không có sim để L lạc nên L không biết được điện thoại này của ai. Do tin tưởng L nên chị Nh đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 1.000.000đ. Số tiền này L đã tiêu sài hết.

Cùng ngày, anh Nguyễn Văn D có đơn trình báo lên Công an phường KQ về việc ngày 15/11/2017 cửa hàng của anh bị một người phụ nữ lạ mặt vào trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động iphone 6s màu hồng. Trị giá tài sản khoảng 6.000.000đ.

Ngày 18/11/2017, chị Nguyễn Thị Nh đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6s, màu hồng đã mua của Nguyễn Thị L, Quá trình điều tra, xác định đây là chiếc điện thoại L trộm cắp của anh Nguyễn Văn D.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 01/12/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận trị giá 01 điện thoại di động iphone 6s màu hồng gửi đến giám định trị giá 5.500.000đ.

Ngày 03/01/2018, anh Nguyễn Văn D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 UBS nhãn hiệu Transcend 4G, bên trong USB có chứa dữ liệu ghi lại hình ảnh 01 người phụ nữ vào cửa hàng điện thoại Quang Thịnh và thực hiện hành vi trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 6s để phục vụ quá trình điều tra. Ngày 09/3/2018, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho anh D chiếc USB trên.

Ngày 02/03/2018, Nguyễn Thị L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc áo chống nắng loại dài tay màu tím và 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu HJC màu đỏ loại mũ trùm đầu, không cằm. L khai là trang phục ngày 15/11/2017 mặc để đi đường, không nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội, đến nay 01 chiếc áo và 01 chiếc mũ này đều đã cũ, không còn giá trị sử dụng.

Về phần bồi thường dân sự, anh Nguyễn Đức N là chủ cửa hàng điện thoại Đức N đề nghị chị L phải bồi thường cho anh số tiền 1.000.000đ là tiền của cửa hàng anh sử dụng để mua điện thoại của L.

Cáo trạng số: 45/KSĐT-KT ngày 03/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, l, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999 để xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy của 01 áo chống nắng loại dài tay và 01 mũ bảo hiểm HJC màu đỏ thu giữ của Nguyễn Thị L do không còn giá trị sử dụng. Xác nhận cơ quan điều tra đã thu giữ và trả cho anh Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s là hợp pháp. Trả lại cho anh Nguyễn Đức N số tiền 1.000.000đ mà L đã nộp cho cơ quan điều tra.

Người bị hại là anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra khai nhận: Buổi sáng ngày 15/11/2017, anh D bị mất chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S để ở mặt bàn ăn tại cửa hàng điện thoại Quang Thịnh do anh Thịnh làm chủ có địa chỉ tại số nhà 45 đường Nguyễn T, Vinh Thịnh Tây, phường KQ, thành phố V. Lúc này cửa hàng không có ai trông coi, quản lý. Khi xem lại hệ thống camera giám sát có 01 phụ nữ mặc áo chống nắng dài tay, đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX vào cửa hàng. Anh D đã nhận lại chiếc điện

thoại do Cơ quan điều tra trả lại và không có yêu cầu gì về dân sự (bút lục 55-56)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức N vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra khai nhận: Anh N là chủ cửa hàng điện thoại Đức N có địa chỉ tại đường Trần H, phường TT, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15/11/2017, chị Nguyễn Thị Nh là nhân viên của cửa hàng anh có mua của Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s với giá 1.000.000đ. Sau khi được cơ quan Công an cho biết đây là chiếc điện thoại do trộm cắp mà có nên chị Nh đã giao nộp cho cơ quan điều tra và anh đề nghị L phải bồi thường cho anh số tiền 1.000.000đ đã mua điện thoại (bút lục 57- 58).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan là chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận: Chị Nh là nhân viên cửa hàng điện thoại Đức N. Ngày 15/11/2017, chị có mua của Nguyễn Thị L 01 chiếc điện thại Iphone 6s với giá 1.000.000đ. Khi mua không biết là tài sản do trộm cắp mà có và đề nghị bị cáo bồi thường trả lại tiền cho anh N.

Bị cáo Nguyễn Thị L không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, phù hợp với vật chứng và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 15/11/2017, tại cửa hàng điện thoại Quang Thịnh ở số nhà 45 đường Nguyễn T, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn D, bị cáo Nguyễn Thị L đã trộm cắp của anh D 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s, trị giá tài sản là 5.500.000đ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang và lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Xét tính chất, mức độ của tội phạm, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà có hành vi vi phạm pháp luật để chiếm đoạt tài sản. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại; khi phạm tội bị cáo đang mang thai. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, p, l khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp.

[3] Về người có quyền lợi liên quan, vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với chị Nguyễn Thị Nh là nhân viên cửa hàng điện thoại Đức N, là người trực tiếp mua chiếc điện thoại Iphone 6s do L trộm cắp được. Quá trình điều tra xác định khi mua điện thoại của L, chị Nh dùng tiền của cửa hàng để mua, không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6s, màu hồng mà Nguyễn Thị L trộm cắp của anh Nguyễn Văn D. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh D. Ngày 09/3/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh D chiếc điện thoại trên. Anh D đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 ốp điện thoại bằng nhựa và 01 sim điện thoại di động mang số thuê bao 01688889292 của chiếc điện thoại iphone 6s, sau khi trộm cắp được L đã vứt bỏ tại khu vực vòng xuyến khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, cơ quan điều tra không thu hồi được. Do chiếc ốp và sim điện thoại không còn giá trị sử dụng, anh D không yêu cầu L bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đồng Nguyễn Thị L bán chiếc điện thoại Iphone 6s trộm cắp của anh D cho cửa hàng điện thoại Đức N mà có, L đã tiêu sài hết, cơ quan điều tra không thu giữ được. Ngày 18/11/2017, L đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đ cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho anh Nguyễn Đức N.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave RSX, biển kiểm soát: 88G1 – 241.89 L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp, quá trình điều tra xác định đó là tài sản của ông Nguyễn Văn B (là bố chồng của L). Ngày 15/11/2017, ông B cho L mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc L sử dụng xe máy của ông để đi trộm cắp tài sản ông Bình không biết, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý là phù hợp.

Đối với 01 chiếc áo chống nắng loại dài tay và 01 chiếc mũ bảo hiểm HJC thu giữ của Nguyễn Thị L không L quan đến hành vi phạm tội do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về bồi thường dân sự: Chị Nguyễn Thị Nh là nhân viên cửa hàng điện thoại Đức N dùng tiền của cửa hàng mua chiếc điện thoại với giá 1.000.000đ, do vậy anh N yêu cầu trả lại cho anh là phù hợp. Ngày 18/11/2017, L đã tự nguyện giao nộp số tiền trên để bồi thường cho anh Nguyễn Đức N (chủ cửa hàng điện thoại), số tiền này cần trả lại cho anh N.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, h, l, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn HC, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 áo chống nắng loại dài tay, 01 mũ bảo hiểm HJC.

Trả cho anh Nguyễn Đức N số tiền 1.000.000đ (do bị cáo Nguyễn Thị L giao nộp).

(Các tài sản đồ vật có đặc điểm như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 03/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Mạnh